

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2026

V/v tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi dưỡng con chung
và chia tài sản chung của vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Bà Võ Thị Kim Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 85/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi dưỡng con chung và chia tài sản chung của vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1978

CCCD số 093178003858 cấp ngày 26/8/2021.

Địa chỉ: **số D ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.**

* *Bị đơn:* ông **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1982

CCCD số 093082010022 cấp ngày 29/6/2021.

Địa chỉ: **số H khu V, phường B, thành phố Cần Thơ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà **Nguyễn Ngọc T** trình bày:*

Bà và ông T1 tự tìm hiểu yêu thương và tiến tới hôn nhân năm 2015, đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND phường B, quận C (cũ) ngày 28/10/2015. Vợ chồng sống chung nhưng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, bà thường xuyên bị chồng bạo hành, mặc dù đã bỏ qua nhiều lần nhưng ông T1 không sửa đổi. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng Thị Trúc N, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 và Hoàng Văn Tuấn T2, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu T2 được ông T1 nuôi dưỡng, cách nay khoảng một tháng thì cháu T2 có nói với bà rằng ông T1 bị tái phát đau thần kinh tọa, ảnh hưởng đến việc đi lại không đưa đón cháu T2 đi học được. Công việc của bà hiện tại là mua bán hàng bông, thu nhập mỗi ngày trung bình 300.000đồng (6.000.000đồng/tháng) cộng thêm thu nhập khác thì mỗi tháng 5.000.000đồng. Về chỗ ở, bà đang sống tại nhà mẹ bà.

- Về tài sản chung: Bà rút yêu cầu chia tài sản chung, khi nào tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Hoàng Văn T1 trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi cháu Hoàng Văn Tuấn T2, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2020, không yêu cầu cấp dưỡng. Giao cháu Hoàng Thị Trúc N, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 cho bà T nuôi dưỡng. Từ khi ông và bà T sống riêng, ông trực tiếp nuôi cháu T2, cách nay khoảng 1 tháng ông bị đau lưng phải nghỉ làm, ông không đi lại được nên mới cho cháu T2 tạm nghỉ học, hiện tại ông đã khỏe và đi lại được, công việc hiện tại của ông làm thợ hàn, thu nhập mỗi ngày 600.000đồng/ngày. Ngoài ra, ông có 03 công đất vườn trồng chanh không hạt, chưa có thu nhập. Về chỗ ở, ông đang sống cùng mẹ ông, căn nhà chung của vợ chồng thì bỏ trống.

- Về tài sản chung: có căn nhà tiền chế, xây trên đất ông được mẹ ông tặng cho riêng. Vợ chồng ông sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Ngọc T** và ông **Hoàng Văn T1** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2015 tại **UBND phường B** là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do ông **T1** có hành vi bạo hành, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa, cả hai đều thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình để công nhận.

[2] Về con chung và quyền nuôi con: Bà **T** và ông **T1** có 02 con chung: **Hoàng Thị Trúc N**, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 và **Hoàng Văn Tuấn T2**, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2020. Các bên thống nhất bà **T** nuôi cháu **N**. Riêng cháu **T2**, cả hai đều có nguyện vọng nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xem xét các khía cạnh sau để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ:

Về điều kiện sức khỏe và chăm sóc: Ông **T1** thừa nhận có tiền sử đau thần kinh tọa tái phát. Thực tế khoảng 01 tháng gần đây, do bệnh tình, ông không thể đi lại, dẫn đến việc cháu **T2** phải nghỉ học. Điều này cho thấy điều kiện sức khỏe của ông **T1** không ổn định, trực tiếp ảnh hưởng đến quyền được học tập và chăm sóc sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

Xét về điều kiện kinh tế và tính ổn định của công việc: Về phía ông **T1**, mặc dù ông khai thu nhập 600.000 đồng/ngày từ nghề thợ hàn, nhưng đây là công việc lao động tự do, thu nhập phụ thuộc hoàn toàn vào sức khỏe và đơn hàng theo ngày không ổn định. Đặc biệt, khi ông tái phát bệnh đau thần kinh tọa, ông hoàn toàn mất khả năng thu nhập như thực tế vừa qua. Ngoài ra, diện tích đất vườn trồng chanh của ông chưa có thu nhập, không thể coi là nguồn tài chính đảm bảo ngay lập tức cho việc nuôi con. Về phía bà **T**, nghề mua bán hàng bông tuy thu nhập trung bình thấp hơn nhưng có tính chất thường xuyên, ổn định hàng ngày.

Về sự gắn kết anh chị em: Việc giao cả cháu **N** và cháu **T2** cho bà **T** nuôi dưỡng sẽ tạo điều kiện cho hai chị em được sống gần gũi, gắn bó huyết thống, giúp các cháu phát triển tâm lý lành mạnh hơn là việc chia cắt mỗi người nuôi một nơi.

Xét về môi trường giáo dục và an toàn đạo đức cho trẻ: Tại tòa, ông T1 thừa nhận trong quá trình chung sống đã có hành vi bạo hành bà T. Đây là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình và Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Một người cha có hành vi bạo lực với mẹ của trẻ không chỉ gây tổn thương tâm lý trực tiếp cho con cái khi phải chứng kiến, mà còn cho thấy sự hạn chế trong khả năng kiểm chế hành vi và G. Việc giao cháu T2 đang ở độ tuổi hình thành nhân cách cho người có xu hướng bạo lực nuôi dưỡng là không đảm bảo môi trường an toàn, lành mạnh cho sự phát triển của trẻ.

Từ thực tế ông T1 bị bệnh dẫn đến cháu T2 phải nghỉ học, cộng với tiền sử bạo hành và tính chất công việc bấp bênh, Hội đồng xét xử nhận thấy ông T1 không đảm bảo được điều kiện tốt nhất cho cháu T2 bằng bà T. Do đó, việc thay đổi người trực tiếp nuôi cháu T2 từ ông T1 sang bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: nguyên đơn rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết. Dành quyền khởi kiện lại khi nguyên đơn có yêu cầu.

[4] Về nợ chung: nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định. Tuy nhiên, ông P thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Ngọc T và ông Hoàng Văn T1 thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Trúc N, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 và Hoàng Văn Tuấn T2, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2020 cho bà Nguyễn Ngọc T nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông **Hoàng Văn T1**, không ai có quyền cản trở ông **T1** thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, dành cho nguyên đơn quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: bà **Nguyễn Ngọc T** phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà **Nguyễn Ngọc T** được nhận lại 1.050.000đồng theo Biên lai thu số 0001345 ngày 20/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS kv3-CT;
- THA kv3-CT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc